

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Lâm sinh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-ĐHTN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 04 thí sinh trúng tuyển vào ngành Lâm sinh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Nông Lâm nghiệp, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Dal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH LÂM SINH (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1820/QĐ-ĐHTN ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Ngô Trung	Tiền	05/10/1985	Nam	Kiểm lâm	Trung cấp	5.00	Trung bình	2008		1	15.75	
2	Hà Văn	Hậu	03/10/1990	Nam	Lâm nghiệp	Trung cấp	5.70	Trung bình	2011		1	17.85	
3	Lê Hữu	Tài	04/11/1995	Nam	Lâm sinh	Cao đẳng	7.30	Khá	2016		1	22.65	
4	Hồ Sỹ	Cường	10/6/1986	Nam	Luật	Đại học	6.29	TB Khá	2014		2NT	19.37	

Danh sách gồm 04 thí sinh. *Đạt*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Điều dưỡng (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-ĐHTN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 08 thí sinh trúng tuyển vào ngành Điều dưỡng (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Y dược, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Dal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Nguyễn Thị	Thom	03/12/1990	Nữ	Y sĩ đa khoa	Trung cấp	7.20	Khá	2011	01	1	24.35	
2	Nguyễn Thị Kim	Yến	20/4/1997	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.41	Khá	2018		1	22.98	
3	Lê Thị Mỹ	Phượng	04/8/1991	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	8.42	Giỏi	2016		1	26.01	
4	Ngô Trí	Hiếu	16/9/1992	Nam	Y sĩ	Trung cấp	8.10	Giỏi	2014		1	25.05	
5	Nguyễn Lâm	Tuyền	16/11/1997	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.22	Khá	2018		2	21.91	
6	Trần Thị	Lan	09/11/1994	Nữ	Y sĩ	Trung cấp	7.00	Khá	2014		1	21.75	HL
7	Phạm Thị Mỹ	Diệu	13/10/1994	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.98	Khá	2016		1	24.69	
8	Văn Thị Thu	Hằng	10/10/1997	Nữ	Xét nghiệm y học	Cao đẳng	7.14	Khá	2018		1	22.17	

Danh sách gồm 08 thí sinh.

(Chữ ký)



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Ngôn ngữ Anh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-ĐHTN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

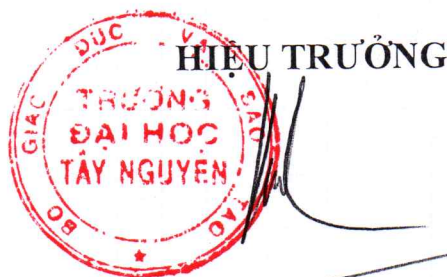
Điều 1. Công nhận 21 thí sinh trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Ngoại ngữ, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-ĐHTN ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Phan Thị Ánh	Nguyệt	08/9/1997	Nữ	Kế toán	Đại học	6.82	Khá	2021		1	21.21	
2	Vũ Nhân	Văn	29/12/1998	Nam	Bảo vệ thực vật	Đại học	7.26	Khá	2020		3	21.78	
3	Lê Thị Minh	Thường	14/5/1991	Nữ	Sinh học	Đại học	8.09	Giỏi	2013		1	25.02	
4	Nguyễn Thị	Huệ	14/01/1984	Nữ	Dược sĩ	Đại học	6.73	TB Khá	2010		1	20.94	
5	Hiếu Thị Thanh	Thủy	13/6/1983	Nữ	Giáo dục Thể chất	Đại học	7.65	Khá	2006		3	22.95	
6	Quách Thiên	Chương	02/3/1976	Nam	Luật	Đại học	8.94	Khá	2019		3	26.82	
7	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/4/1998	Nữ	Bảo vệ thực vật	Đại học	7.73	Khá	2020		3	23.19	
8	Mai Thị	Trang	25/02/1995	Nữ	Sư phạm Hóa học	Đại học	7.05	Khá	2021		1	21.90	
9	Phan Thị Ngọc	Quỳnh	02/8/1993	Nữ	Y đa khoa	Đại học	8.13	Giỏi	2017		1	25.14	
10	Bạch Thị Trinh	Nữ	30/4/1987	Nữ	Kế toán	Đại học	6.51	TB Khá	2011		1	20.28	
11	Nguyễn Thị	Nhung	20/10/1993	Nữ	Giáo dục Mầm non	Đại học	7.27	Khá	2015		1	22.56	
12	Nguyễn Thị Kim	Huệ	02/9/1988	Nữ	Quản trị KDTM	Đại học	9.50	Xuất sắc	2011		1	29.25	HS4: 3.8
13	Vũ Thị	Hiền	28/10/1986	Nữ	Kinh tế nông lâm	Đại học	7.19	Khá	2008		3	21.57	
14	Lương Thị Dịu	Vy	09/9/1996	Nữ	Trình sát an ninh	Đại học	7.92	Giỏi	2019		1	24.51	
15	Vương Thị Thu Hoài	Trâm	01/6/1997	Nữ	Luật	Đại học	7.47	Khá	2019		1	23.16	
16	Nguyễn Quang	Hùng	29/8/1998	Nam	Luật	Đại học	6.32	Trung bình	2021		1	19.71	
17	Huỳnh Quốc	Dũng	01/6/1993	Nam	GD Quốc phòng - An ninh	Đại học	7.50	Khá	2017		2	22.75	
18	Nguyễn Thị	Tuyết	17/6/1994	Nữ	GD Quốc phòng - An ninh	Đại học	8.23	Giỏi	2016		2NT	25.19	
19	Hồ Trọng	Lương	25/11/1996	Nam	Triết học	Đại học	7.68	Khá	2019		1	23.79	
20	Nguyễn Văn	Hải	16/12/1997	Nam	Công nghệ sinh học	Đại học	7.43	Khá	2019		1	23.04	
21	Hoàng Đình	Thành	08/4/1996	Nam	Điều tra hình sự	Đại học	7.09	Khá	2019		1	22.02	

Danh sách gồm 21 thí sinh. *Đạt*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Kế toán (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-ĐHTN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 31 thí sinh trúng tuyển vào ngành Kế toán (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Ngoại ngữ, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *kel*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN NGÀNH KẾ TOÁN (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 817/QĐ-ĐHTN ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
				Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Hồ Thị Mịn	28/8/1997	Nữ	Công nghệ sinh học	Đại học	6.70	Trung bình	2021		1	20.85	
2	Dương Viết Ánh	03/5/1991	Nam	Giáo dục Thể chất	Đại học	6.23	Trung bình	2017		1	19.44	
3	Mai Thị Thu	06/5/1995	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.00	Khá	2017		1	21.75	XLTN
4	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/11/1989	Nữ	Cấp thoát nước và môi trường nước	Đại học	6.14	TB-Khá	2013		1	19.17	
5	Vũ Quảng	10/10/1988	Nam	Công nghệ hóa học	Đại học	7.60	Khá	2010		1	23.55	
6	Nguyễn Minh Hiếu	20/12/1994	Nam	Quản trị KDTM	Đại học	7.54	Khá	2016		1	23.37	
7	Đậu Thị Hà	19/8/1997	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Đại học	6.43	TB-Khá	2019		1	20.04	
8	Trần Phương Linh	20/3/1996	Nữ	Ngôn ngữ Anh	Đại học	5.90	Trung bình	2019		1	18.45	
9	Trần Thành	01/12/1982	Nam	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Đại học	6.47	TB-Khá	2005		1	20.16	
10	Trần Bá Thi	06/11/1974	Nam	Tin học	Đại học	6.25	TB-Khá	2000		3	18.75	
11	Lâm Thanh Tuyền	12/10/1993	Nữ	Sư phạm Toán học	Đại học	7.74	Giỏi	2015		3	23.22	
12	Hà Thị Mỹ Dung	06/01/1989	Nữ	Cộng nghệ sinh học	Đại học	7.43	Khá	2011		2NT	22.79	
13	Võ Đặng Diệu Trâm	03/7/1991	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.27	Khá	2013		1	22.56	
14	Hồ Thị Nga	04/5/1996	Nữ	Luật kinh tế	Đại học	7.07	Khá	2018		1	21.96	
15	Huỳnh Thị Bạch Cúc	25/12/1996	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.29	Khá	2020		1	22.62	
16	Nguyễn Thị Hiếu	15/6/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	8.35	Giỏi	2021		1	25.80	
17	Nguyễn Hồng Liên	26/3/1995	Nữ	Kế toán	Trung cấp	8.60	Khá	2019		1	26.55	
18	Triệu Văn Mỹ	10/5/1991	Nam	Kế toán	Cao đẳng	7.00	Khá	2015		1	21.75	XLTN
19	Nguyễn Thị Mai Phương	07/10/1992	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Cao đẳng	7.00	Khá	2013		1	21.75	XLTN
20	Phạm Hồng Thiên Phúc	11/10/1998	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	7.62	Khá	2019		1	23.61	
21	Trần Thị Ánh Như	20/9/1997	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	7.10	Khá	2020		1	22.05	
22	Nguyễn Thị Thúy	01/03/1999	Nữ	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	6.86	Trung bình	2020		1	21.33	
23	Nguyễn Văn Bình	23/3/1993	Nam	Tài chính - Ngân hàng	Cao đẳng	6.04	Trung bình	2014		1	18.87	
24	Nguyễn Thị Thùy	09/02/1988	Nữ	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	6.80	Trung bình	2020		1	21.15	
25	Nguyễn Thị Phương	10/4/1993	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	5.55	Trung bình	2014		1	17.40	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
				Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
26	Lê Thị Anh	05/4/1989	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	7.28	Khá	2011		2NT	22.34	
27	Bùi Thị Mỹ Lê	10/6/1985	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	6.30	TB-Khá	2007		1	19.65	
28	Vũ Thị Hải Hòa	09/12/1983	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	6.50	TB-Khá	2007		1	20.25	
29	Hoàng Thị Duyên	09/5/1987	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	7.23	Khá	2014		1	22.44	
30	Phan Thị Mai Thương	20/01/1991	Nữ	Kế toán	Cao đẳng	7.23	Khá	2013		2NT	22.19	
31	Mai Thị Mỹ Ngọc	19/11/1995	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	6.70	TB-Khá	2020		1	20.85	

Danh sách gồm 31 thí sinh. *Đa*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Giáo dục Tiểu học (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-ĐHTN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 47 thí sinh trúng tuyển vào ngành Giáo dục Tiểu học (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 3, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Sư phạm, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đã*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
(Kèm theo Quyết định số 1821/QĐ-ĐHTN ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Y Iắt	B Krông	04/03/1975	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.05	Trung bình	2007	01	1	20.9	
2	Đinh Thị	Chinh	25/12/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.58	TB khá	2010		1	20.49	
3	Lâm Thị	Cúc	01/01/1983	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.25	Khá	2007	07	2NT	23.25	
4	Nguyễn Thị	Cúc	10/12/1979	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.20	Khá	2010	07	1	23.35	
5	Trần Thị Bạch	Cúc	01/11/1981	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.93	TB khá	2003	07	2	22.04	
6	Trần Thị	Dung	06/09/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.25	Trung bình	2007		1	19.5	
7	Nguyễn Ngọc	Duy	24/03/1996	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.28	Khá	2019		1	22.59	
8	Lê Thị Thu	Hà	30/04/1978	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.08	Trung bình	2010	07	1	19.99	
9	Nguyễn Thị	Hà	12/01/1975	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.39	Trung bình	2010		1	19.92	
10	Lê Thị	Hải	10/08/1974	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.64	Trung bình	2007	07	1	21.67	
11	Trịnh Thanh	Hải	28/10/1975	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.34	Trung bình	2010	07	2NT	20.52	
12	Trương Thị	Hiền	26/08/1972	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.80	Trung bình	2007	07	1	22.15	
13	Vũ Tiến	Hải	22/12/1975	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.40	TB khá	2010	07	1	20.95	
14	Nguyễn Thị Xuân	Hòa	10/01/1974	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.73	Trung bình	2007	07	2NT	21.69	
15	Hoàng Văn	Huân	05/04/1973	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.37	Trung bình	2007	07	1	20.86	
16	Nguyễn Tiến	Hương	02/07/1977	Nam	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	5.70	Trung bình	1997	07	1	18.85	
17	Võ Thị Cẩm	Lai	04/11/1983	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.45	Trung bình	2009	07	2	20.6	
18	Ngô Thị	Liên	16/11/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.43	Trung bình	2010	07	2NT	20.79	
19	Nguyễn Thị	Long	03/02/1973	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.87	Trung bình	2002	07	2NT	19.11	
20	Cao Thị	Lý	01/11/1974	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.23	Khá	2007	07	2NT	23.19	
21	Từ Thị	Minh	22/09/1979	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2001		2NT	15.5	XLTN
22	Ngô Thị	Mỹ	05/08/1974	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.54	Trung bình	2007	07	2NT	21.12	
23	Nguyễn Thị	Nga	06/07/1975	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.82	Trung bình	2007	07	2NT	21.96	
24	Nguyễn Thị	Nghĩa	30/11/1973	Nữ	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	5.00	Trung bình	2003	07	1	16.75	XLTN
25	Phạm Văn	Ninh	10/10/1972	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.93	Trung bình	2007	07	1	19.54	
26	Lâm Thị	Phùng	24/11/178	Nữ	Tiểu học	Cao đẳng	7.17	Khá	2002	07	2NT	23.01	
27	Phan Sỹ	Quyết	18/10/1978	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.78	Trung bình	2010	07	1	19.09	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
				Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
28	Nguyễn Thị Cao Sương	12/08/1979	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.97	Trung bình	2007	07	1	22.66	
29	Lê Thị Thơm	01/09/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.95	Trung bình	2007	07	1	19.6	
30	Nguyễn Văn Thuận	11/08/1968	Nam	Trung học sư phạm	Trung cấp	6.00	Trung bình	2003	07	1	19.75	
31	Nguyễn Thị Kim Thùy	17/09/1979	Nữ	Tiểu học	Cao đẳng	6.62	Trung bình	2002	07	2NT	21.36	
32	Vũ Thị Thủy	10/10/1972	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.07	Khá	2007	07	2NT	22.71	
33	Tạ Quang Văn	01/03/1968	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.00	Trung bình	2007	07	2	19.25	
34	Mai Thị Yến	15/11/1971	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.62	Trung bình	2007	07	1	21.61	
35	H Gen Mlô	10/10/1974	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.50	TB khá	2007	01	1	22.25	XLTN
36	H Lin Niê Kdăm	05/12/1970	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2007	01	1	17.75	XLTN
37	Hoàng Thị Linh	20/05/1978	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.59	Trung bình	2007	07	2NT	21.27	
38	Nguyễn Thị My	13/06/1972	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.17	Trung bình	2007	07	2NT	20.01	
39	Nguyễn Thị Hợp	05/08/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.89	Trung bình	2007	07	1	22.42	
40	H Djue Niê Hra	01/02/1975	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.22	Khá	2007	01	1	24.41	
41	Nguyễn Bá Chính	19/05/1972	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.21	Trung bình	2007	07	2NT	20.13	
42	Lê Văn Thịnh	10/10/1975	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2010	07	2NT	16.5	XLTN
43	Đỗ Thị Loan	12/10/1971	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2007	07	2NT	16.5	XLTN
44	Y Drim Niê	29/5/1993	Nam	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	7.22	Khá	2016	01	1	24.41	
45	Trần Thị Thu Huyền	08/10/1975	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2010		1	15.75	XLTN
46	Phùng Thị Hồng Hạnh	17/7/1979	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.50	TB khá	2010		3	19.5	XLTN
47	Ngô Thị Thanh	15/5/1976	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	6.40	TB khá	2010		3	19.2	

Danh sách gồm 47 thí sinh. *Del*